



MARKET LENS

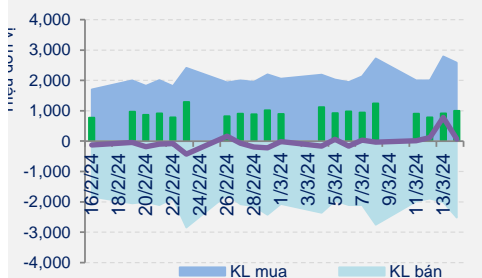
Phiên giao dịch ngày: 14/3/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

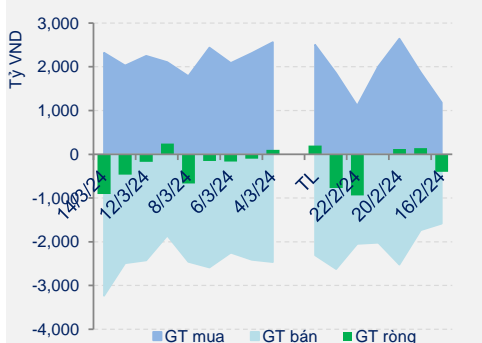
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,264.26	239.68
% Thay đổi	↓ -0.49%	↑ 0.62%
KLGD (CP)	998,994,857	168,717,102
GTGD (tỷ đồng)	27,923.77	3,570.15
Tổng cung (CP)	2,519,971,055	261,026,100
Tổng cầu (CP)	2,587,227,037	209,361,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	82,737,887	1,632,312
KL mua (CP)	59,392,930	5,800,500
GT mua (tỷ đồng)	2,324.12	141.81
GT bán (tỷ đồng)	3,234.56	38.56
GT ròng (tỷ đồng)	(910.44)	103.25

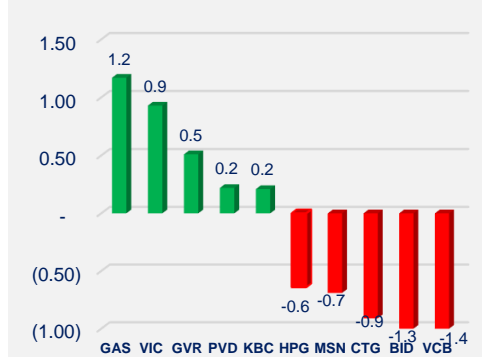
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giao dịch phục hồi tăng điểm mạnh cuối phiên trước. VN-INDEX đầu phiên hôm nay tiếp tục tăng lên vùng 1.275 điểm tương ứng vùng giá đỉnh cao nhất của phiên giao dịch giảm điểm mạnh ngày 08/03/2023 cũng như vùng giá cao nhất tháng 09/2022. VN-INDEX đã chịu áp lực bán cơ cấu danh mục ở vùng giá này và giảm điểm trở lại. Kết phiên VN-INDEX giảm 6,25 điểm (-0,49%) về mức 1.264,26 điểm với thanh khoản gia tăng, VN-INDEX đang có xu hướng kiểm tra lại vùng giá cao nhất năm quanh 1.255 điểm HNX-INDEX tích cực hơn tăng 1,48 điểm (+0,62%) lên mức 239,68 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tiêu cực khi áp lực bán gia tăng ở vùng đỉnh cũ với 374 mã giảm giá (03 mã giảm sàn), 293 mã tăng giá (13 mã tăng trần) và 133 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết tăng 10,44% so với phiên trước lên mức 31.478,98 tỉ đồng được giao dịch, vượt mức trung bình. Trong đó khối lượng giao dịch trên sàn HNX gia tăng mạnh 51,80% so với phiên trước, cho thấy dòng tiền ngắn hạn đang luân chuyển tốt trong thị trường, gia tăng nhiều ở các mã trên sàn HNX và các mã nhóm dầu khí. Khối ngoại gia tăng giao dịch, gia tăng bán ròng trên HOSE với giá trị 910,44 tỉ đồng, trong đó bán ròng khá mạnh ở nhóm cổ phiếu thép, bán lẻ; mua ròng trở lại trên HNX với giá trị 103,25 tỉ đồng, gia tăng mua ròng trở lại ở cổ phiếu dầu khí PVS và SHS.

Sáng 14/3/2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã chủ trì Hội nghị triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024 tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Hội nghị có sự tham dự của các lãnh đạo NHNN, Chủ tịch, Tổng giám đốc ngân hàng thương mại, lãnh đạo các hiệp hội ngành nghề và các đại biểu.

Các cổ phiếu nhóm dầu khí sau giai đoạn tích lũy đã có phiên giao dịch nổi bật, tạo điểm nhấn tích cực, luân chuyển dòng tiền trong khi trường khí nhiều mã tăng giá mạnh, vượt vùng đỉnh gần nhất, thanh khoản rất đột biến nổi bật với PVB (+7,80%), PVT (+6,85%), PVD (+4,94%), VTO (+3,77%), PVP (+3,28%)...

Các cổ phiếu bất động sản sau giai đoạn có diễn biến kém tích cực tiếp tục có diễn biến khá tích cực trong phiên hôm nay với nhiều mã tăng giá tốt, thanh khoản cải thiện, tuy nhiên mức độ phân hóa vẫn mạnh như IJC (+6,77%), TIG (+4,62%), NHA (+3,44%), NDN (+2,52%)...ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh với CCL (-2,68%), QCG (-1,51%), ACG (-1,11%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng phân hóa mạnh khi nhiều mã chịu áp lực chốt lời ngắn hạn sau giai đoạn tăng giá với BCM (-1,88%), PHR (-1,83%), D2D (-1,48%)... ngoài các mã vẫn tăng giá tích cực KBC (+3,19%), DPR (+3,00%), IDV (+1,86%)...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng sau phiên phục hồi đã chịu áp lực điều chỉnh trở lại khi VN-INDEX kiểm tra lại vùng kháng cự mạnh, hầu hết đều giảm điểm, thanh khoản ở mức trung bình như CTG (-1,99%), BID (-1,71%), MBB (-1,68%), OCB (-1,67%)... Các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán phân hóa tích cực hơn khi nhiều mã tăng giá tốt, thanh khoản gia tăng mạnh trở lại với IVS (+5,15%), VIX (+3,48%), SHS (+3,24%), VFS (+2,45%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như EVS (-3,33%), BVS (-2,35%), BSI (-2,28%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 giảm 10,5 điểm (-0,83%), mức chênh lệch dương 0,48 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 3,27% so với phiên trước, trên mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 đang vượt lên kháng cự quan trọng đường giá trung bình MA20 ngày quanh 1.250 điểm, hướng đến kiểm tra lại vùng đỉnh giá 1.275 điểm-1.282 điểm các ngày 05-06/03/2024. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 3,08 điểm đến 2,68 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch dương khi VN30 điều chỉnh khá mạnh, cho thấy các trader đang kỳ vọng VN30 sẽ phục hồi ngắn hạn trở lại.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ sau nhịp hồi phục tốt là trạng thái vận động bình thường, chốt phiên Vn-Index giảm -6,25 điểm (-0,49%) và đóng cửa ở 1.264,26 điểm. Thị trường được tích lũy thêm động lực tăng sau nhịp điều chỉnh rũ bỏ tốt vừa qua và Vn-Index rất có khả năng sẽ tiệm cận cản mạnh 1.300 điểm trong thời gian tới, về trung hạn chúng tôi vẫn giữ quan điểm sau nhịp tăng ngắn hạn này và sau đã hưng phấn khả năng Vn-Index điều chỉnh trở lại vận động trong kênh tích lũy 1.150 điểm - 1.250 điểm là kịch bản dễ xảy ra.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường hồi phục mạnh trở lại đỉnh ngắn hạn và phiên rung lắc hôm nay là vận động bình thường. Mặc dù trong ngắn hạn Vn-Index có thể tiếp tục tăng tới vùng kháng cự mạnh 1.300 điểm tuy nhiên nhịp tăng vượt qua 1.250 điểm trước đó chưa đủ tin cậy nên rủi ro thị trường biến động bất thường là cao. Chúng tôi cho rằng sau khi kết thúc đà hưng phấn VnIndex sẽ điều chỉnh trở lại trong kênh 1.150 điểm - 1.250 điểm

Xu hướng trung hạn của Vn-Index không đổi khi chỉ số hụt hơi sau nhịp tăng ngắn hạn là hoàn toàn có thể xảy ra. Nếu Vn-Index bước vào nhịp giảm thì vận động này cũng là vận động bình thường và phù hợp với kỳ vọng tích lũy của chúng tôi trong kênh giá 1.150 điểm - 1.250 điểm hoặc 1.300 điểm.

Vn-Index điều chỉnh sau 2 phiên hồi phục mạnh mẽ là vận động bình thường, tuy nhiên thị trường có thể biến động bất thường trong ngắn hạn do vậy chúng tôi không khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn tham gia tích cực ở giai đoạn hiện tại dù Vn-Index có nhịp hồi. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục, chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở giai đoạn hiện tại mà nên chờ đợi thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

14/3/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BWE	43.70	42.5-43.5	50-52	40	12.6	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
PVS	37.90	37-37.8	44-45	35	20.9	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân
VSC	22.70	22.2.-23	26-27	20.5	25.0	20.4%	-16.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	33.20	22.3	35-37	31	48.9%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	58.90	45.1	64-65	57	30.6%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	32.90	27.55	32-33	31	19.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	21.95	18.09	23-24	21	21.3%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Áp lực đáo hạn trái phiếu thực chất sẽ cao hơn so với con số 279.000 tỷ**

Năm 2024 ước tính có khoảng 279 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, với hơn 115 nghìn tỷ làm trái phiếu doanh nghiệp bất động sản. Tuy nhiên số liệu trên chưa tính những khoản đáo hạn "lần 2" sau khi được gia hạn, nên áp lực đáo hạn trong năm nay thực chất sẽ cao hơn... Thị trường trái phiếu doanh nghiệp sơ cấp suy giảm trong tháng 2 với tổng giá trị phát hành chỉ đạt 1,165 tỷ đồng giảm 45,8% so với tháng trước với kỳ hạn bình quân là 2,87 năm. Trong đó, chỉ có 3 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ do 3 doanh nghiệp thuộc nhóm ngành xây dựng, vận tải cảng biển và thương mại dịch vụ. Trong tháng 3, dự tính sẽ có khoảng 23,07 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn tăng 372% so với tháng trước. Trong đó, nhóm Bất động sản chiếm 63%, Thương mại dịch vụ chiếm 10% và nhóm Xây dựng chiếm 9%.

Thủ tướng: Phân loại dự án BĐS để cấp tín dụng phù hợp, tiếp tục Thông tư 02

Thủ tướng yêu cầu NHNN rà soát, phân loại các dự án bất động sản để kịp thời có giải pháp tín dụng phù hợp đối với từng doanh nghiệp, từng dự án đủ điều kiện; có tín dụng phù hợp với lĩnh vực BOT, BT giao thông, các dự án trọng điểm, lĩnh vực xăng dầu.. Phát biểu kết luận Hội nghị triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024 tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô sáng 14/3, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu các bộ ngành tiếp thu các ý kiến, chủ động xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện thật tốt chính sách tiền tệ, hỗ trợ đồng hành cùng doanh nghiệp thực chất, hiệu quả.

Giá xăng giảm, dầu tăng

Mỗi lít xăng giảm 10-20 đồng, trong khi các mặt hàng dầu tăng 70-300 đồng tùy loại, từ 15h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) giảm 10 đồng, về 23.540 đồng một lít; E5 RON 92 hạ 20 đồng, còn 22.490 đồng một lít. Tương tự, các mặt hàng dầu cũng tăng và có giá mới 16.430-20.700 đồng một lít so với cách đây 7 ngày.

Cảnh báo nợ xấu nội bảng toàn hệ thống là 4,55% và tỷ lệ tín dụng/GDP khoảng 133%

Biến động tiêu cực từ tình hình kinh tế thế giới cùng những khó khăn nội tại đã tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khả năng trả nợ gốc/lãi ngân hàng suy giảm. Nợ xấu nội bảng của hệ thống các tổ chức tín dụng đến cuối năm 2023 là 4,55%, tăng so với mức 2,03% vào cuối năm 2022, khiến các ngân hàng thận trọng khi cấp tín dụng... Sáng ngày 14/3/2024, Ngân hàng Nhà nước đã có báo cáo tại Hội nghị "Triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô" do Thủ tướng chủ trì.

TIN DOANH NGHIỆP

FPT dự kiến chia cổ tức 20% bằng tiền mặt, phát hành thêm cổ phiếu tỷ lệ 20:3

CTCP FPT (FPT – sàn HOSE) vừa công bố tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2024, đại hội sẽ được tổ chức vào 13h ngày 10/4, tại Phòng họp Hội nghị, tầng 8, tòa nhà FPT, số 10 phố Phạm Văn Bách, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo đó, FPT dự kiến sẽ trình kế hoạch kinh doanh năm 2024 với chỉ tiêu doanh thu khối kinh doanh đạt 61.850 tỷ đồng, tăng trưởng 17,5% so với kết quả năm trước, trong đó khối công nghệ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, dự kiến đạt 38.150 tỷ đồng, tiếp theo là khối viễn thông dự kiến doanh thu đạt 17.600 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế khối kinh doanh năm 2024 dự kiến đạt 10.875 tỷ đồng, tăng trưởng 18,2% so với kết quả năm 2023. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến duy trì ở mức 20% bằng tiền mặt.

ACB đặt mục tiêu lợi nhuận tăng 10%, chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu và tiền mặt

ACB vừa công bố tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 dự kiến diễn ra vào ngày 4/4 tới, với kế hoạch lợi nhuận đạt 22.000 tỷ đồng, tăng 10% so với năm trước. ACB đặt mục tiêu tổng tài sản đến cuối năm 2024 tăng 12%, tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 11% đạt 593.779 tỷ đồng. Tăng trưởng cho vay khách hàng là 14% đạt 555.866 tỷ đồng. ACB cho biết, đây là mức tăng trưởng tín dụng phù hợp với tình hình thị trường, đồng thời tuân thủ theo mức NHNN giao. Tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 2%, con số này cuối năm 2023 là 1,21%.

Chứng khoán VIX (VIX) lên kế hoạch phát hành cổ phiếu tỷ lệ 20%

Kinh doanh thuận lợi và tăng trưởng trong năm 2023, Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (mã VIX – sàn HOSE) lên kế hoạch trả cổ tức và thưởng cổ phiếu. Chứng khoán VIX thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 10%. Như vậy, ước tính Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu tỷ lệ 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 20 cổ phiếu mới.

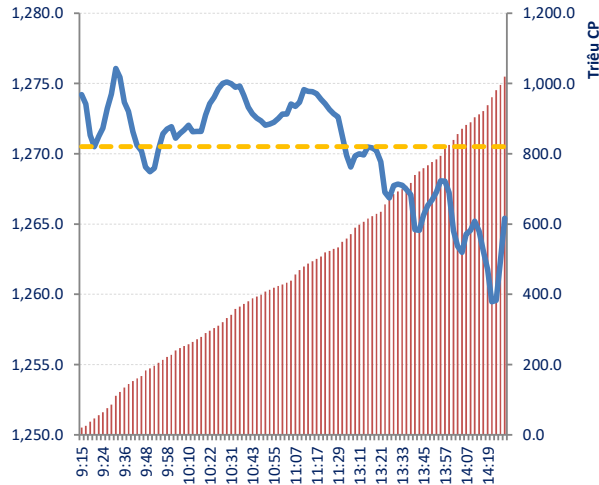
Sonadezi đặt kế hoạch lãi sau thuế 2024 gần bằng năm trước

Bức tranh kinh doanh 2023 của SNZ khá khả quan khi doanh thu thuần và lãi ròng đạt lần lượt gần 5,447 tỷ đồng và hơn 813 tỷ đồng, tăng 3% và 29% so với năm trước. Đây là năm có lãi ròng cao thứ hai của Công ty kể từ khi niêm yết vào 2017, chỉ sau năm 2021. Tại Hội nghị tổng kết năm 2023 và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024 hồi giữa tháng 1/2024, Sonadezi đặt kế hoạch 2024 với doanh thu hợp nhất dự kiến khoảng 6,366 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2023; lợi nhuận sau thuế 1,370 tỷ đồng, giảm nhẹ 1%.

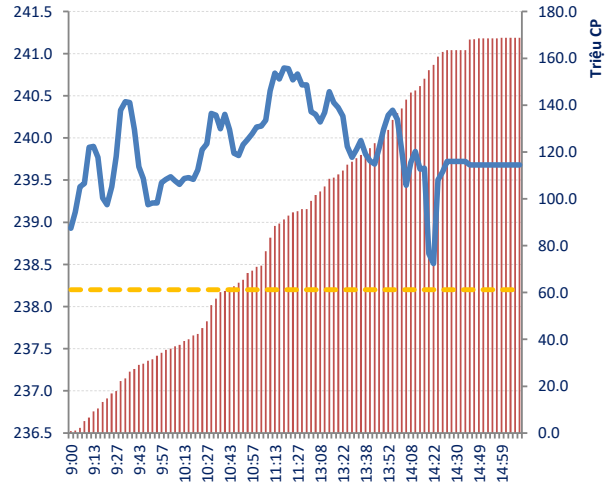


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

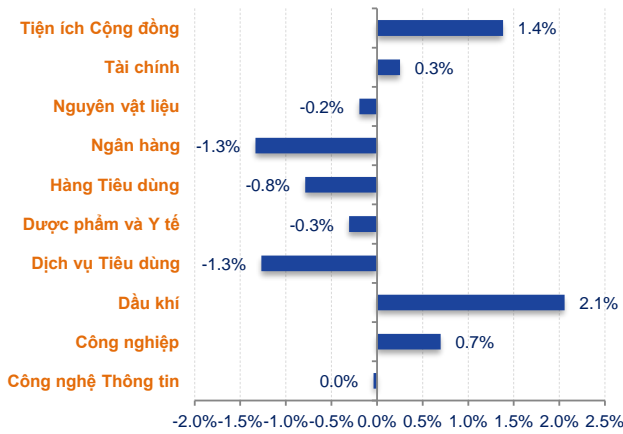
KLGD và VN-Index trong phiên



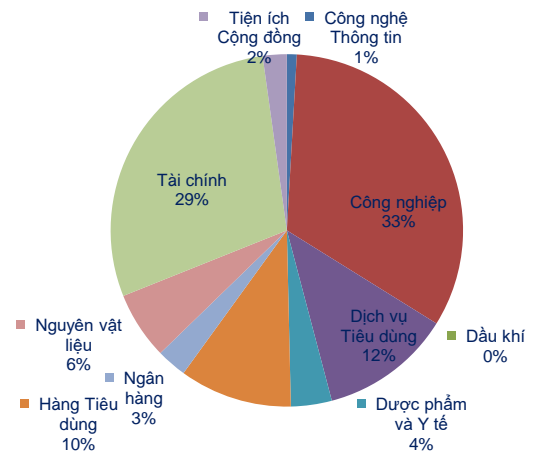
KLGD và HNX-Index trong phiên



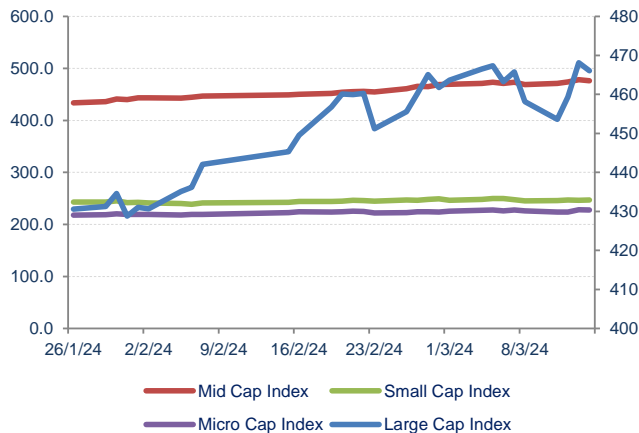
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



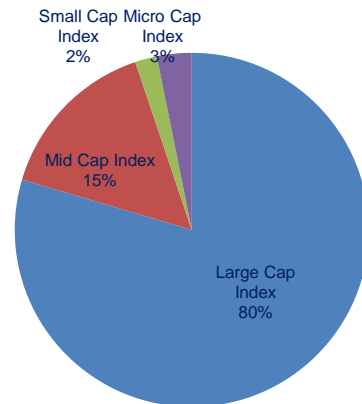
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE					HNX				
------	--	--	--	--	-----	--	--	--	--

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	3,392,450	SBT	6,495,880	1	SHS	2,755,200	LAS	101,200
2	VIX	2,368,073	VHM	3,821,572	2	PVS	1,433,300	VFS	88,700
3	PVD	2,149,300	HSG	2,354,824	3	TIG	354,600	BVS	86,900
4	PVT	1,423,033	VPB	2,175,108	4	DTD	115,250	CEO	85,700
5	KDH	1,340,100	HPG	2,083,665	5	MST	109,600	IDJ	64,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	20.10	20.80	↑ 3.48%	47,885,800	SHS	18.50	19.10	↑ 3.24%	63,522,543
SSI	37.95	37.85	↓ -0.26%	40,257,900	PVS	36.90	37.90	↑ 2.71%	18,392,087
VND	23.55	23.30	↓ -1.06%	40,168,500	CEO	21.70	22.00	↑ 1.38%	13,709,078
DIG	27.00	27.50	↑ 1.85%	35,281,500	MBS	29.40	29.80	↑ 1.36%	6,503,159
HPG	30.80	30.35	↓ -1.46%	31,392,900	TIG	13.00	13.60	↑ 4.62%	4,274,411

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCO	10.75	11.50	0.75	↑ 6.98%	SFN	17.20	18.90	1.70	↑ 9.88%
VTP	83.80	89.60	5.80	↑ 6.92%	SGD	12.30	13.50	1.20	↑ 9.76%
PIT	6.67	7.13	0.46	↑ 6.90%	NHC	27.70	30.40	2.70	↑ 9.75%
PVT	27.00	28.85	1.85	↑ 6.85%	MCO	28.80	31.60	2.80	↑ 9.72%
BBC	51.40	54.90	3.50	↑ 6.81%	TPH	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BTP	20.05	16.65	-3.40	↓ -16.96%	THS	11.10	10.00	-1.10	↓ -9.91%
LAF	16.95	14.50	-2.45	↓ -14.45%	VLA	19.40	17.50	-1.90	↓ -9.79%
HAS	7.40	7.00	-0.40	↓ -5.41%	CX8	9.00	8.20	-0.80	↓ -8.89%
CLC	41.45	39.30	-2.15	↓ -5.19%	VTH	8.20	7.50	-0.70	↓ -8.54%
HRC	48.00	45.60	-2.40	↓ -5.00%	SPC	12.30	11.30	-1.00	↓ -8.13%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	47,885,800	11.6%	1,444	13.9	1.5
SSI	40,257,900	10.1%	1,531	24.8	2.4
VND	40,168,500	13.0%	1,657	14.2	1.7
DIG	35,281,500	2.2%	283	95.4	2.1
HPG	31,392,900	6.9%	1,175	26.2	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	63,522,543	5.7%	688	26.9	1.5
PVS	18,392,087	6.6%	1,812	20.4	1.3
CEO	13,709,078	3.1%	408	53.2	1.8
MBS	6,503,159	12.3%	1,334	22.0	2.6
TIG	4,274,411	8.3%	1,085	12.0	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TCO	↑ 7.0%	2.3%	384	28.0	0.6
VTP	↑ 6.9%	25.6%	3,123	26.8	6.5
PIT	↑ 6.9%	-7.9%	(632)	-	0.9
PVT	↑ 6.9%	11.4%	3,005	9.0	1.0
BBC	↑ 6.8%	7.1%	5,034	10.2	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SFN	↑ 9.9%	12.8%	3,241	5.3	0.7
SGD	↑ 9.8%	2.6%	406	30.3	0.8
NHC	↑ 9.7%	-1.9%	(351)	-	1.6
MCO	↑ 9.7%	0.6%	80	361.2	2.2
TPH	↑ 9.6%	6.5%	791	17.1	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	3,392,450	10.1%	1,531	24.8	2.4
VIX	2,368,073	11.6%	1,444	13.9	1.5
PVD	2,149,300	4.0%	1,040	30.1	1.2
PVT	1,423,033	11.4%	3,005	9.0	1.0
KDH	1,340,100	5.2%	906	41.5	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,755,200	5.7%	688	26.9	1.5
PVS	1,433,300	6.6%	1,812	20.4	1.3
TIG	354,600	8.3%	1,085	12.0	1.0
DTD	115,250	19.5%	4,328	7.2	1.3
MST	109,600	9.1%	1,004	7.0	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	536,553	21.7%	5,910	16.2	3.2
BID	299,843	19.0%	3,781	13.9	2.4
CTG	188,755	17.0%	3,723	9.4	1.5
VHM	187,020	20.0%	7,607	5.6	1.0
GAS	181,442	18.4%	5,053	15.6	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,800	22.6%	4,221	14.2	3.2
PVS	17,637	6.6%	1,812	20.4	1.3
HUT	16,779	0.6%	82	229.6	1.5
SHS	15,043	5.7%	688	26.9	1.5
THD	13,475	3.0%	470	74.5	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ANV	2.73	1.5%	317	113.1	1.7
VOS	2.51	9.7%	1,110	10.7	1.0
IDI	2.46	2.1%	318	41.7	0.9
DGW	2.40	14.0%	2,160	30.5	4.2
CTS	2.29	9.6%	1,261	30.8	2.8

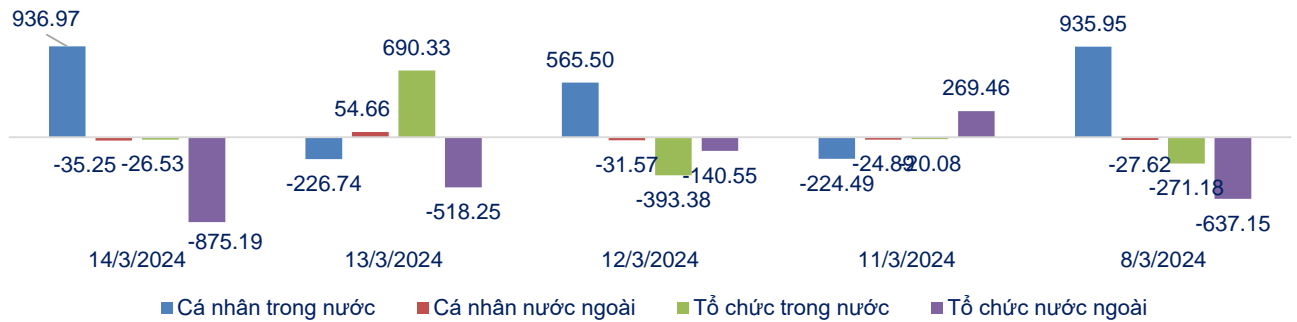
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.71	5.4%	758	15.6	1.1
SHS	2.45	5.7%	688	26.9	1.5
MBS	2.26	12.3%	1,334	22.0	2.6
DTD	2.21	19.5%	4,328	7.2	1.3
HUT	2.20	0.6%	82	229.6	1.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	160.70	20.0%	7,607	5.6	1.0
VNM	152.35	26.2%	4,248	16.7	4.2
FRT	117.63	-18.3%	(2,537)	-	12.5
MWG	81.89	0.7%	115	423.7	3.0
SBT	78.66	5.3%	741	16.5	0.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-107.85	10.1%	1,531	24.8	2.4
GAS	-70.16	18.4%	5,053	15.6	2.8
PVD	-59.46	4.0%	1,040	30.1	1.2
VIX	-45.78	11.6%	1,444	13.9	1.5
KDH	-39.82	5.2%	906	41.5	1.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	9.17	13.0%	1,657	14.2	1.7
VIX	4.40	11.6%	1,444	13.9	1.5
PTB	3.52	10.5%	4,309	14.6	1.5
FPT	2.50	23.4%	5,101	22.9	5.0
SAB	1.53	16.4%	3,210	18.6	3.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-9.39	6.9%	1,175	26.2	1.7
SSI	-5.90	10.1%	1,531	24.8	2.4
CNG	-5.89	18.8%	3,142	10.1	1.8
PLX	-5.86	9.9%	2,213	16.8	1.6
PVT	-5.34	11.4%	3,005	9.0	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	78.95	18.4%	5,053	15.6	2.8
MSB	38.96	16.0%	2,322	6.4	1.0
PLX	33.43	9.9%	2,213	16.8	1.6
DCM	32.53	10.8%	2,095	17.4	1.9
BAF	26.72	1.1%	139	198.5	2.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	-46.87	7.1%	1,127	45.8	3.1
MSN	-41.24	1.1%	293	275.7	3.0
VTP	-38.50	25.6%	3,123	26.8	6.5
MWG	-25.65	0.7%	115	423.7	3.0
VND	-24.45	13.0%	1,657	14.2	1.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

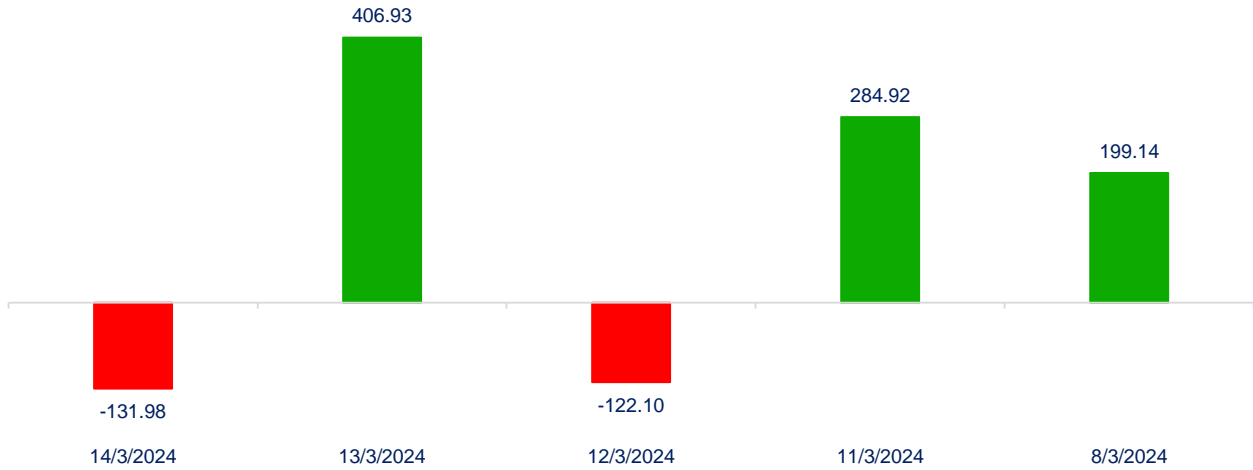
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	136.06	10.1%	1,531	24.8	2.4
PVD	75.03	4.0%	1,040	30.1	1.2
KDH	50.21	5.2%	906	41.5	1.9
PVT	45.92	11.4%	3,005	9.0	1.0
VIX	44.76	11.6%	1,444	13.9	1.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

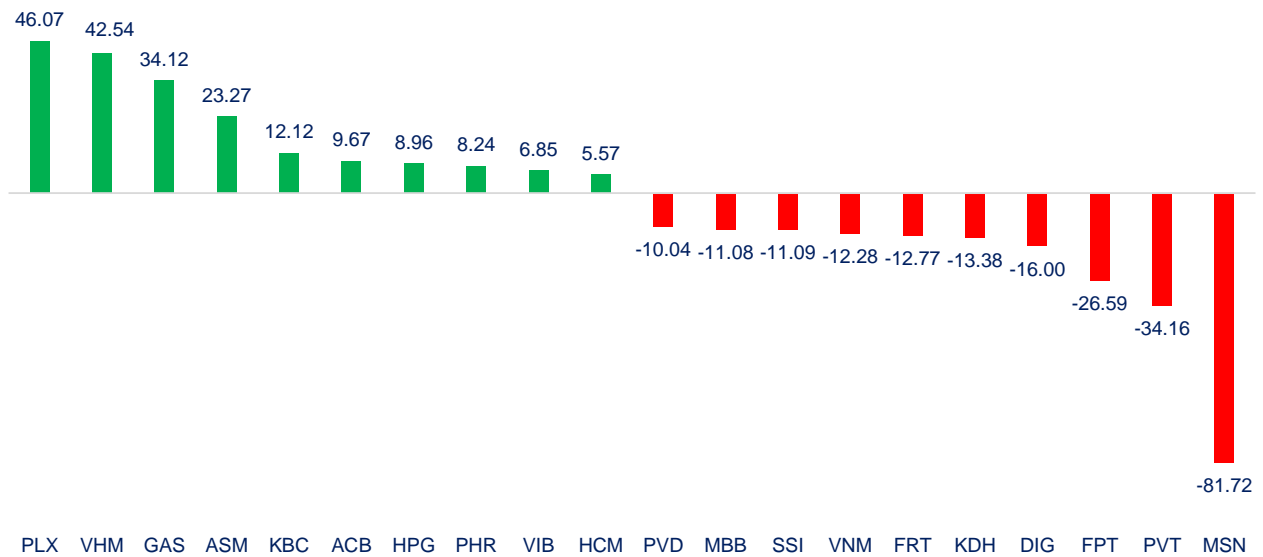
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-167.07	20.0%	7,607	5.6	1.0
VNM	-140.61	26.2%	4,248	16.7	4.2
FRT	-104.73	-18.3%	(2,537)	-	12.5
SBT	-80.17	5.3%	741	16.5	0.8
DBC	-57.18	0.5%	103	309.7	1.7



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn